

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 11 – 2020

*“V/v tranh chấp HN&GD – Ly hôn,  
nuôi con và chia tài sản”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô;**

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

- 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;**
- 2. Bà Võ Thị Điệp;**

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.**

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 455/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/10/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **T T Đ**, năm sinh 1983;

HKTT: Tổ 28, khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện sinh sống: Ấp Long Phú A, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

*Bị đơn:* Anh **L T H**, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ 28, khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp..

*(Chị Đ và anh H có mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2020; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T T Đ trình bày:***

Về hôn nhân: Chị Đ và anh H tổ chức đám cưới chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/10/2003. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng chị Đ vẫn cố gắng nhẫn nhịn và khuyên anh H thay đổi để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Thời gian sau, anh H có công việc làm thợ hồ nhưng không chú tâm vào công việc, thích thì làm không thích thì nghỉ, không quan tâm, phụ giúp chị Đ về kinh tế và nuôi dạy các con. Bên cạnh đó, anh H thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn thì quậy phá gia đình, chửi mắng, đánh đập vợ con. Chị Đ đã nhiều lần nói chuyện và khuyên ngăn nhưng anh H không sửa đổi mà còn thường cự cãi. Chị Đ không chịu đựng được nên đã bỏ về quê ở Tam Nông sinh sống 02 năm nay.

Trong thời gian ly thân, anh H không tìm và cũng không muốn hàn gắn tình cảm. Tuy có điện thoại qua lại nhưng chỉ cãi nhau chứ không phải muốn đoàn tụ. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H.

- **Về con chung:** Có 04 con chung tên L H A, sinh ngày 23/12/2003; L H P, sinh ngày 30/6/2009 đang sống với anh H; L Hg A, sinh ngày 02/02/2005 và L T H A, sinh ngày 29/8/2007 đang sống với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi 04 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh L T H trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh H thống nhất vợ chồng kết hôn, thời gian chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do không cùng quan điểm sống, nên 02 vợ chồng không còn chung sống với nhau 02 năm nay. Trong thời gian ly thân không ai muốn gặp nhau để hàn gắn tình cảm, do chị Đ muốn cắt đứt liên lạc. Vợ chồng chỉ điện thoại cho nhau được vài lần nhưng chỉ cãi nhau. Nay anh H còn thương chị Đ và mong muốn được hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ.

- Về con chung: Có 04 con chung tên L H A, sinh ngày 23/12/2003; L Hg A, sinh ngày 02/02/2005; L T H A, sinh ngày 29/8/2007; L H P, sinh ngày 30/6/2009; hiện H A, H P đang sống với anh H; Hg A và H.A đang sống với chị Đ. Nếu tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên H A và H P; không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đ và anh H thỏa thuận như sau: Nếu Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì anh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên L H A và L H P; chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên L Hg A và L T H A. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Trích lục kết hôn (Bản sao);
2. Trích lục khai sinh L H A (Bản sao);
3. Giấy khai sinh L Hg A (Bản sao);
4. Giấy khai sinh L T H A (Bản sao);
5. Giấy khai sinh L H P (Bản sao);
6. Giấy CMND tên T T Đ (Bản photo).

Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đã được các đương sự đã biết và thống nhất là đúng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

*Về tố tụng:*

[1] Chị T T Đ có đơn yêu cầu được ly hôn với anh L T H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân, gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản”.

[2] Anh L T H là người bị kiện có nơi cư trú tại khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

*Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/10/2003 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị Đ và anh H đã ly thân với nhau hơn 02 năm. Trong thời gian sống ly thân, cả hai vợ chồng ít liên lạc với nhau và cũng không ai muốn đoàn tụ. Nhận thấy việc hàn gắn tình cảm là không thể nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H. Đồng thời, anh H cũng thừa nhận việc sống chung, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn phát sinh. Hai bên không xây dựng được hạnh phúc, tình cảm không hàn gắn được và không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau

trong thời gian ly thân. Anh H cho rằng vẫn còn thương chị Đ nhưng không chủ động đến hàn gắn và không có biện pháp gì để đoàn tụ.

Từ những phân tích nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Đ.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh H thừa nhận có 04 con chung tên L H A, sinh ngày 23/12/2003; L Hg A, sinh ngày 02/02/2005; L T H A, sinh ngày 29/8/2007; L H P, sinh ngày 30/6/2009.

[5] Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng tất cả con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Đ và anh H thỏa thuận nếu chấp nhận yêu cầu ly hôn thì anh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên L H A và L H P; chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên L Hg A và L T H A. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự nguyện và không vi phạm pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận.

Chị T T Đ và anh L T H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Về án phí:*

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án: Chị T T Đ phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004132 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

***Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.***

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị T T Đ.

**1. Về hôn nhân:** Chị T T Đ được ly hôn với anh L T H.

**2. Về con chung:** Chị T T Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên L Hg A, sinh ngày 02/02/2005 và L T H A, sinh ngày 29/8/2007.

Anh L T H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên L H A, sinh ngày 23/12/2000 và L H P, sinh ngày 30/6/2009.

Chị T T Đ và anh L T H và không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không có yêu cầu.

Chị T T Đ và anh L T H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Đ và anh H thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**4. Về án phí:**

Chị T T Đ phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án đã nộp theo Biên lai số 0004132 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND nơi cấp GCN.KH
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Trần Văn Đô**

